

Thanh Bình, ngày 12 tháng 6 năm 2025

CÔNG KHAI

Các hoạt động giáo dục được quy định tại Chương II của TT 09/2024/TT-BGDĐT Tính đến tháng 6 năm 2025

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Bộ giáo dục và Đào tạo;

Thực hiện văn bản số: 942/PGDDĐT-TCCB, ngày 20/6/2024 của PGDĐT V/v thực hiện Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/06/2024 Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Tiểu học Bế Văn Đàn công khai các hoạt động giáo dục được quy định tại chương II của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT tính đến tháng 6 năm 2025, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Bế Văn Đàn

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ 1 – Phường Thanh Bình – Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

Điện thoại: 0916971368 Thư điện tử: thbevandan95@gmail.com

Trang thông tin điện tử: thbevandan.pgdtptdienbienphu.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:

4.1. Sứ mạng: Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt.

4.2. Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; Là nơi cha mẹ học sinh luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; Là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; Là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến.

4.3. Giá trị cốt lõi của nhà trường:

- Đoàn kết - Trách nhiệm;
- Trung thực - Sáng tạo;
- Kỷ luật - Hợp tác - Chia sẻ;
- Công bằng - Khách quan;
- Tập trung vào kết quả và con người.

4.4. Mục tiêu: Xây dựng trường tiểu học Bế Văn Đàn trở thành trường học hạnh phúc với các tiêu chí Yêu thương – An toàn – Tôn trọng

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường Tiểu học Bế Văn Đàn, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên được thành lập theo Quyết định số 275/QĐ-UB-TC ngày 07/6/1995 của UBND tỉnh Lai Châu. Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II năm 2017.

Từ khi thành lập đến nay nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Thành phố Điện Biên Phủ, của Phòng Giáo dục và Đào tạo và UBND phường Thanh Bình, cùng với sự nỗ lực của tập thể sư phạm nhà trường, trong những năm qua nhà trường đã khẳng định được vị thế của mình trong phong trào giáo dục và đào tạo chung trên địa bàn thành phố, cũng như toàn tỉnh luôn là địa chỉ tin cậy về chất lượng giáo dục toàn diện.

Cơ sở vật chất nhà trường khang trang, đầy đủ tiện nghi, hàng năm được đầu tư nâng cấp hiện đại đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng.

Kết quả chất lượng tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn 95% trở lên; Tỷ lệ giáo viên giỏi các cấp đạt 100% trong đó cấp thành phố 29,3%; cấp Tỉnh 14,6%. Hằng năm CBGV 98% trở lên đạt LĐTT, 15% -20% đạt CSTĐ và được các cấp tặng bằng khen và giấy khen.

Hàng năm 100% đảng viên trong chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trong đó 15%-20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đảng ủy phường Thanh Bình tặng Giấy khen. Năm học 2024-2025 chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhiều năm liền nhà trường được UBND tỉnh Điện Biên công nhận Tập thể LĐXS, tặng thưởng Bằng khen của UBND Tỉnh. Năm 2012, nhà trường được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Bà Đinh Thị Thanh Nhân Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Bế Văn Đàn - Tổ 1 – Phường Thanh Bình – Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

Số điện thoại: 0916971368; Địa chỉ thư điện tử: nhancmth@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường số Quyết định số 275/QĐ-UB-TC ngày 07/6/1995 của UBND tỉnh Lai Châu.

b) Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2024 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc kiện toàn Hội đồng trường các trường tiểu học thành phố Điện Biên Phủ nhiệm kỳ 2023 – 2028;

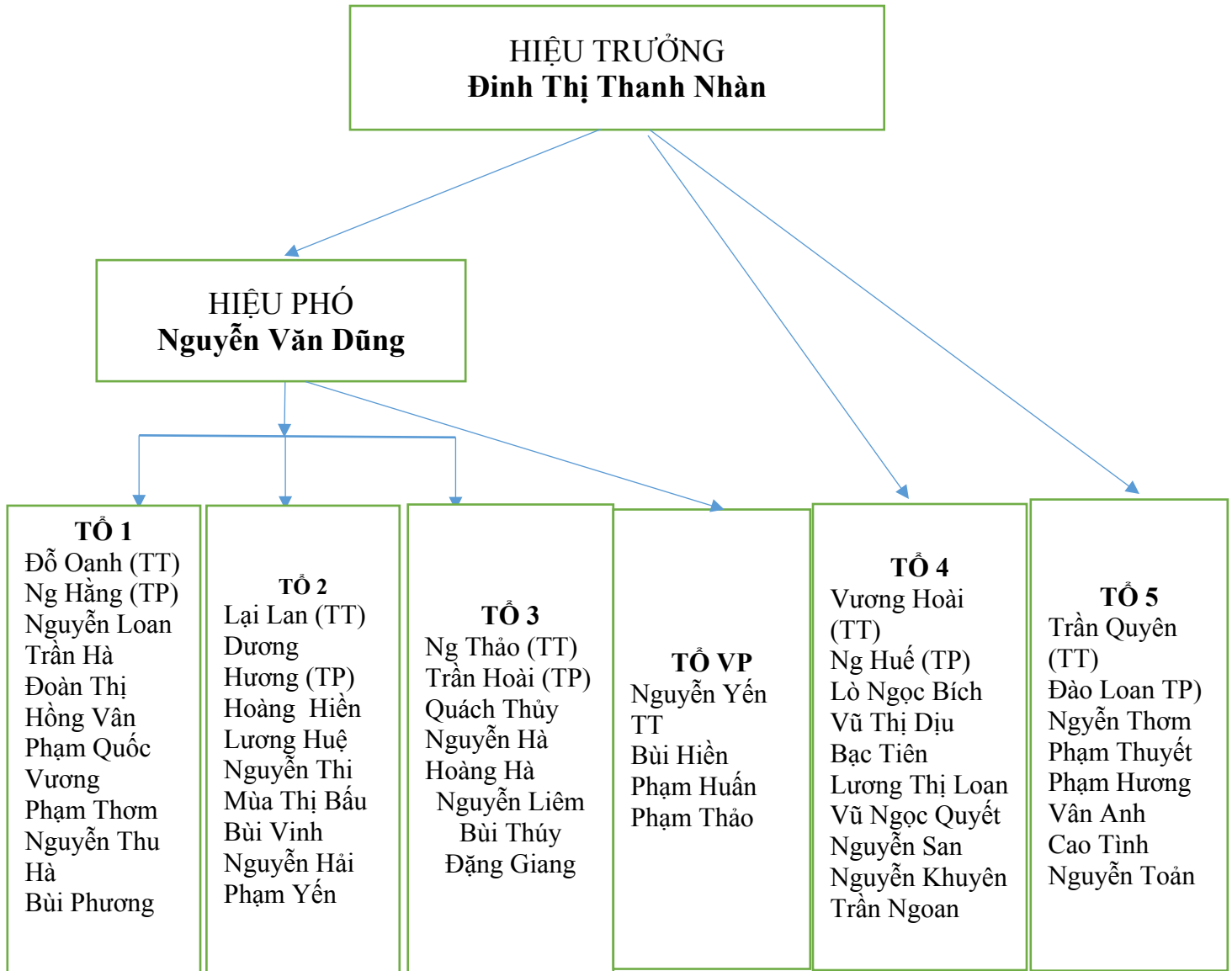
STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đinh Thị Thanh Nhân	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Nguyễn Thị San	Giáo viên	P.chủ tịch HĐ
3	Nguyễn Thị Việt Hà	PCT UBND phường	P.chủ tịch HĐ
4	Trần Thị Thanh Hà	Giáo viên	Thư kí
5	Lương Thị Loan	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
6	Nguyễn Thị Thảo	Tổ trưởng CM khối 3	Thành viên
7	Vương Thị Hoài	Tổ trưởng CM khối 4	Thành viên
8	Trần Lệ Quyên	Tổ trưởng CM khối 5	Thành viên
9	Nguyễn Hải Yến	Tổ trưởng Tổ văn phòng	Thành viên
10	Phạm Thị Yến	Bí thư đoàn thanh niên	Thành viên
11	Nguyễn Thị Phương	Trưởng ban ĐDCMHS	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm của Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Quyết định điều động số 1005/QĐ-UBND, ngày 07/06/2024 của UBND thành phố Điện Biên Phủ, Quyết định về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý. Điều động đồng chí Đinh Thị Thanh Nhân về làm Hiệu trưởng trường TH Bế Văn Đàn kể từ ngày 15/6/2024.

Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 14/02/2025 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý đối với đ/c Nguyễn Văn Dũng;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động



đ) Lãnh đạo cơ sở giáo dục:

(1). Bà Đinh Thị Thanh Nhân - Chức vụ: Hiệu trưởng; Điện thoại: 0916971368;

Thư điện tử: nhancmth@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Bế Văn Đàn - Tổ 1 – Phường Thanh Bình
– Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

* Nhiệm vụ:

Chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động của nhà trường, lãnh đạo công tác giáo dục và quản lý theo quy định của Bộ GD&ĐT, UBND và Phòng GD&ĐT.

1.1. Công tác quản lý chung

- Xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch năm học và tổ chức thực hiện.

- Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đảm bảo chất lượng dạy và học theo chương trình của Bộ GD&ĐT.

- Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục trước Hội đồng trường và cấp quản lý.

1.2. Công tác tổ chức, nhân sự

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và hội đồng tư vấn.

- Bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; phân công, đánh giá, xếp loại, khen thưởng và kỷ luật giáo viên, nhân viên.

- Thực hiện quy chế dân chủ trong trường học, tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể hoạt động.

1.3. Công tác tài chính, hành chính

- Quản lý và sử dụng hiệu quả tài chính, tài sản của nhà trường; làm chủ tài khoản.

- Quản lý công tác hành chính, văn thư, lưu trữ, bảo mật thông tin.

- Trực tiếp tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định.

1.4. Công tác học sinh và hoạt động giáo dục

- Quản lý toàn diện học sinh, tổ chức các hoạt động giáo dục, quyết định khen thưởng, kỷ luật.

- Trực tiếp chỉ đạo tổ chuyên môn khối 4,5; kiểm tra xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học;

- Phụ trách Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên, tổ chức các phong trào thi đua.

- Phụ trách công tác bán trú, đảm bảo an toàn, chất lượng bữa ăn, sinh hoạt của học sinh;

1.5. Công tác chuyên môn và đào tạo

- Tham gia giảng dạy 2 tiết/tuần, dự giờ, đánh giá giáo viên.

- Chỉ đạo kiểm tra nội bộ trường học, phụ trách hồ sơ kiểm tra nội bộ.

- Phụ trách phong trào và các cuộc thi của giáo viên, nhân viên, học sinh.

- Tham gia bồi dưỡng chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; chỉ đạo công tác bồi dưỡng giáo viên.

1.6. Công tác truyền thông, xã hội hóa giáo dục

- Chỉ đạo công tác truyền thông, quản lý Website, Facebook trường, duyệt tin bài của các tổ.

- Huy động các nguồn lực xã hội, phối hợp với phụ huynh và các tổ chức để nâng cao chất lượng giáo dục.

(2). Ông Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng; Điện thoại: 0984285243; Thư điện tử: nguyenvandung135@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Bế Văn Đàn - Tổ 1 – Phường Thanh Bình – Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

* Nhiệm vụ:

Giúp Hiệu trưởng điều hành các hoạt động nhà trường, trực tiếp phụ trách các lĩnh vực được phân công, thay mặt Hiệu trưởng điều hành khi được ủy quyền.

2.1. Công tác chuyên môn

- Phụ trách chuyên môn chính của nhà trường, phụ trách chuyên môn khối 1,2,3; tổ văn phòng, công đoàn.

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch giảng dạy, kiểm tra đánh giá học sinh, duyệt kết quả lên lớp, ở lại lớp khối 1,2,3.

- Phụ trách công tác kiểm định chất lượng giáo dục, đánh giá ngoài, hồ sơ thi đua.

- Kiểm tra, duyệt kế hoạch tổ chuyên môn, giáo viên thuộc khối mình quản lý.

2.2. Công tác cơ sở vật chất và bán trú

- Quản lý CSVC, thiết bị dạy học, thư viện, y tế trường học.

- Phụ trách CSVC bán trú, nề nếp ăn, ngủ của học sinh;

- Chỉ đạo công tác lao động, vệ sinh trường lớp, phòng cháy chữa cháy, an toàn trường học.

2.3. Công tác công nghệ thông tin, chuyển đổi số

- Quản lý hệ thống CSDL quốc gia, học bạ số, phổ cập giáo dục.

- Phụ trách công tác ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy học và quản lý.

2.4. Công tác hành chính, tổ chức

- Điều hành các hoạt động khi Hiệu trưởng vắng mặt.

- Ký duyệt các báo cáo, hồ sơ trong phạm vi khối phụ trách.

- Tham mưu và báo cáo Hiệu trưởng về các nội dung được phân công.

2.5. Công tác đào tạo và chính trị

- Tham gia bồi dưỡng chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý.

- Giảng dạy 4 tiết/tuần.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển giáo dục; quy chế dân chủ; các nghị quyết của Hội đồng trường,...

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

Số TT	Chỉ tiêu	Năm báo cáo	Năm liền kề trước năm báo cáo
I	Tổng số thu	15.513.696.000	13.541.238.000
1	Nguồn ngân sách cấp	15.471.801.000	12.706.188.000
1.1	Nguồn chi thường xuyên	1.793.257.000	11.918.036.850
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	1.635.942.000	788.151.150
	Trong đó: - Mua sắm trang thiết bị dạy và học	1.532.942.000	699.433.000
	- Chi sửa chữa nhỏ		247.000.000
	- Hỗ trợ chi phí học tập	103.000.000	88.718.150
	- Chi lương	12.042.602.000	10.825.535.401
2	Nguồn thu khác	41.895.000	835.050.000
	Dịch vụ dọn vệ sinh	41.895.000	41.760.000
	Tiếng Anh tự chọn cho học sinh Lớp 1,2	-	374.730.000
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục; cải tạo sửa chữa các hạng mục phục vụ hoạt động giáo dục		418.560.000
II	Tổng số chi	8.185.219.971	12.706.188.000
1.1	Nguồn chi thường xuyên	6.638.527.971	11.922.425.000
	Tiền lương và các khoản theo lương	6.249.214.871	10.825.535.401
	Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	389.313.100	1.096.889.599
	Chi hoạt động giáo dục		
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	1.546.692.000	783.763.000
	Trong đó: - Mua sắm trang thiết bị dạy và học	1.528.192.000	699.433.000

	- Hỗ trợ chi phí học tập	18.500.000	84.330.000
	- Truy lĩnh lương chức danh nghề nghiệp		
1.3	Nguồn chi khác	460.455.000	420.570.700
	Dịch vụ dọn vệ sinh	41.895.000	41.760.000
	Tiếng Anh tự chọn cho học sinh Lớp 1,2		374.730.000
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục; cải tạo sửa chữa các hạng mục phục vụ hoạt động giáo dục	418.560.000	378.810.700

III. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

T T	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số người làm việc đang thực hiện	Trình độ đào tạo				Chuẩn nghề nghiệp		Bồi dưỡng thường xuyên		Ghi chú
			TS	ĐH	CĐ	TC	Tốt	Khá	HT	CHT	
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	2	1	1	0	0	2	0	1	0	
1	Hiệu trưởng	1		1	0	0	1	0	1	0	
2	Phó Hiệu trưởng	1		1	0	0	1	0	1	0	
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	43		40	3	0	41	2	43	0	
1	Giáo viên tiểu học hạng I	0		0	0	0	0	0	0	0	
2	Giáo viên tiểu học hạng II	26		26	0	0	25	1	26	0	
3	Giáo viên tiểu học hạng III	17		14	3	0	16	1	17	0	
4	Giáo vụ										
5	Tư vấn học sinh										
4	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật										
III	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	3		2	0	1					

1	Thư viện	1		1	0	0					
2	Quản trị công sở	0									
3	Văn thư	1		0	0	1					
4	Thủ quỹ	0		0	0	0					
5	Kế toán	1		1	0	0					
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	2									
1	Y tế học đường	0									
2	Nhân viên Bảo vệ	2		0	0	0					2 đ.c chưa qua ĐT
3	Nhân viên Phục vụ	0									
	Cộng (I+II=III+IV)	50		43	3	1					2 đ.c chưa qua ĐT

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	27/27	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	25	-
2	Phòng học bán kiên cố	2	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	5185	5,24 m ² / HS
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2300	2,32 m ² / HS
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1327	1,34 m ² / HS
2	Diện tích thư viện (m ²)	36	0,04 m ² / HS
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	36	0,04 m ² /HS
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	36	0,04 m ² /HS
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	36	0,04 m ² / HS
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	36	0,04 m ² / HS
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	18	0,02 m ² / HS
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	18	2,25 m ² / HS
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	18	0,02 m ² / HS
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	26	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	26	

1.1	Khối lớp 1	5	1 bộ / lớp
1.2	Khối lớp 2	5	1 bộ / lớp
1.3	Khối lớp 3	5	1 bộ / lớp
1.4	Khối lớp 4	5	1 bộ / lớp
1.5	Khối lớp 5	6	1 bộ / lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	19	2 HS/ 1bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	
2	Cát xét	11	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	30	1 máy /1 lớp
5	Máy phô tô	2	
6	Tăng âm	2	
7	Máy tính	24	
8	Máy chiếu vật thể	9	1 máy / 3 lớp

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	175
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	26 phòng = 1327m ²	823	1,6m ²
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		2		0,12 m ² / HS

2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0
---	-------------------------	---	---	---	---	---

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

*** Danh mục sách giáo khoa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục tham khảo lựa chọn**

Danh mục Sách giáo khoa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: Sách giáo khoa lớp 1 thực hiện như năm học 2020-2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh, lớp 2 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh, lớp 3 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh, lớp 4 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh, lớp 5 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh. Cụ thể:

Sách giáo khoa Chương trình GDPT 2018				
Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tiếng Việt 1 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)	Tiếng Việt 3 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)
Toán 1	Toán 2	Toán 3	Toán 4	Toán 5
Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 5
		Tin học 3	Tin học 4	Tin học 5
		Công nghệ 3	Công nghệ 4	Công nghệ 5
			Lịch sử và Địa lý 4	Lịch sử và Địa lý 5
TNXH 1	TNXH 2	TNXH 3	Khoa học 4	Khoa học 5
Đạo đức 1	Đạo đức 2	Đạo đức 3	Đạo đức 4	Đạo đức 5
Âm nhạc 1	Âm nhạc 2	Âm nhạc 3	Âm nhạc 4	Âm nhạc 5

Mĩ thuật 1	Mĩ thuật 2	Mĩ thuật 3	Mĩ thuật 4	Mĩ thuật 5
Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 3	Giáo dục thể chất 4	Giáo dục thể chất 5
Hoạt động trải nghiệm 1	Hoạt động trải nghiệm 2	Hoạt động trải nghiệm 3	Hoạt động trải nghiệm 4	Hoạt động trải nghiệm 5
Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 1	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 2	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 3	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 4	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 5

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở:

Mức 1: 27/27 (100%) Tiêu chí đạt Mức 1;

Mức 2: 27/27 (100%) Tiêu chí đạt Mức 2;

Mức 3: 19/19 (100%) Tiêu chí đạt Mức 3.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4: 3/5 Tiêu chí đạt mức 4 (tỷ lệ 60%).

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục:

Nhà trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 350/QĐ-SGDĐT, ngày 17/06/2022 của Sở giáo dục tỉnh Điện Biên và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo quyết định số 1067/QĐ-UBND, ngày 21/06/2022 của UBND tỉnh Điện Biên.

IV. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

a) Kế hoạch tuyển sinh, Năm học: 2025-2026

Phương thức tuyển sinh: xét tuyển.

Đối tượng tuyển sinh:

Tất cả trẻ em 6 tuổi sinh năm 2019 và số trẻ sinh năm 2018, 2017, 2016, 2015,...chưa ra học lớp 1 có hộ khẩu thường trú trên địa bàn phường Thanh Bình, tổ dân phố 3, 4 phường Mường Thanh, tổ dân phố 23 phường Him Lam và trẻ em 6 tuổi các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh khác có nhu cầu học tiểu học tại trường Tiểu học Bế Văn Đàn.

Hồ sơ tuyển sinh

Đơn xin học (theo mẫu nhà trường).

Bản sao giấy khai sinh hợp lệ (kèm theo bản chính để đối chiếu).

Bản chính hoặc bản sao các giấy tờ xác nhận có liên quan đến chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

Chỉ tiêu tuyển sinh

Số lớp: 04 lớp

Số học sinh: 115 học sinh

Thời gian, địa điểm tuyển sinh:

- Thời gian: Từ ngày 02/6/2025 đến hết ngày 20/6/2025 (Trong giờ hành chính, trừ thứ Bảy, Chủ nhật)

- Địa điểm: Tại văn phòng nhà trường

- Người phụ trách tuyển sinh: Đ/c Nguyễn Văn Dũng – Phó Hiệu trưởng (SĐT: 0984285243).

- Thông báo kết quả tuyển sinh: Ngày 15/8/2025

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường (Đã công khai tháng 9/2024)

c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh (Trích nội dung quy chế)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đối tượng thực hiện; trách nhiệm, quyền hạn của nhà trường, gia đình, xã hội; nội dung phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong công tác giáo dục học sinh; quy định chế độ khen thưởng, xử lý vi phạm.

2. Quy chế được áp dụng trong trường tiểu học Bế Văn Đàn; các cấp quản lý giáo dục; các gia đình có người học; xã hội bao gồm: các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị-xã hội- nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân trên địa bàn Phường Thanh Bình theo quy định của pháp luật hiện hành (gọi chung là lực lượng xã hội).

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo sự thống nhất về quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu giáo dục.

2. Tổ chức các hoạt động phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong công tác giáo dục học sinh trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi bên theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Bảo đảm tính kỷ luật, kỷ cương và hiệu quả trong các hoạt động phối hợp; nâng cao trách nhiệm của mỗi bên tham gia.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp trong xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm (giáo dục chính trị, pháp luật, đạo đức, thể chất, nếp sống văn hoá, sức khoẻ sinh sản vị thành niên, phòng chống tội phạm, tai nạn thương tích, ATGT, vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường cho học sinh, phòng chống dịch bệnh).

2. Phối hợp trong quản lý học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; giáo dục học sinh cá biệt.

3. Phối hợp trong xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, cung cấp các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học của nhà trường.

4. Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.

5. Phối hợp trong tuyên truyền giáo dục, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh.

Điều 4. Chủ thể đại diện

Đại diện nhà trường là Hiệu trưởng; đại diện gia đình học sinh là cha, mẹ, người giám hộ hợp pháp hoặc người được cha, mẹ, người giám hộ hợp pháp ủy quyền; đại diện cấp ủy chính quyền địa phương là lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, đại diện xã hội là các đoàn thể chính trị - xã hội do Mặt trận Tổ quốc làm đại diện.

Chương II

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH, XÃ HỘI

Điều 5. Trách nhiệm của nhà trường

1. Quản lý, tổ chức giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục theo mục tiêu chương trình giáo dục, thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khoá nhằm hình thành và rèn cho học sinh kỹ năng sống, kỹ năng thực hành, nếp sống, ý thức tổ chức kỷ luật phát triển phẩm chất và năng lực.

2. Quản lý, giáo dục và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trong thời gian học tập ở trường, tham gia hoạt động ngoại khoá trong và ngoài nhà trường.

3. Nâng cao vai trò trách nhiệm của cán bộ, giáo viên đặc biệt là vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong việc phối hợp với giáo viên bộ môn thực hiện đánh giá chính xác, công bằng, công khai năng lực, phẩm chất, học tập của học sinh; thường xuyên trao đổi với gia đình học sinh theo đúng quy định.

4. Nâng cao vai trò, trách nhiệm và vị trí của tổ chức đoàn, đội trong việc xây dựng nề nếp tự quản, giáo dục lý tưởng hoài bão ước mơ cho học sinh; phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm, Tổng phụ trách Đội, Đoàn thanh niên để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

5. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu học tập của học sinh; xây dựng nhà trường đảm bảo an ninh trật tự, cảnh quan xanh, sạch, đẹp; giáo dục học sinh có ý thức xây dựng và bảo vệ môi trường.

6. Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn thương tích, thiên tai, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm và các tệ nạn xã hội.

7. Huy động lực lượng giáo viên và học sinh cùng với địa phương triển khai công tác phổ cập giáo dục, chủ động cùng chính quyền và gia đình tạo điều kiện cho trẻ được hưởng quyền học tập theo quy định của pháp luật.

8. Quản lý chặt chẽ học sinh, thường xuyên liên hệ chặt chẽ với gia đình học sinh, nắm bắt kịp thời diễn biến tư tưởng, tinh thần thái độ học tập của học sinh ở nhà để có biện pháp phối hợp giáo dục; phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, trao đổi thông tin, hỗ trợ cha mẹ học sinh về kiến thức, phương pháp giáo dục con em. Định kỳ họp với cha mẹ học sinh thông tin đầy đủ quá trình học tập, rèn luyện của học sinh, trên cơ sở đó đề xuất biện pháp phù hợp trong phối hợp giáo dục học sinh.

9. Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, đoàn thể xây dựng môi trường giáo dục thống nhất nhằm, thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

10. Phối hợp với các cơ quan, các ban, ngành chức năng, các tổ chức đoàn thể trên địa bàn tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật, trật tự ATGT, nếp sống văn hoá, phòng chống tội phạm, tai nạn thương tích, giáo dục về sức khoẻ sinh sản vị thành niên, an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường cho học sinh; tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, tổ chức tốt các hoạt động ngoại khoá, giới thiệu truyền thống và các thành tựu kinh tế-xã hội thành phố, phường và nơi trường đặt địa điểm; tạo điều kiện cho học sinh tham gia vào các phong trào, hoạt động văn hoá-xã hội-khoa học-kỹ thuật tại địa phương.

11. Báo cáo kịp thời với UBND phường; với phòng GD&ĐT thành phố, về tổ chức thực hiện Quy chế ở đơn vị mình.

Điều 6. Quyền hạn của nhà trường

1. Thực hiện các quyền hạn theo quy định của Điều lệ nhà trường và quy định của pháp luật.

2. Tham mưu với UBND phường tạo điều kiện đầu tư về cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ cho hoạt động dạy và học của nhà trường theo mục tiêu giáo dục

toàn diện và quy định xây dựng cơ sở vật chất trường chuẩn quốc gia, tham mưu hoàn thành còn tác phổ cập giáo dục trên địa bàn.

3. Kiến nghị chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng đảm bảo điều kiện về an ninh trật tự khu vực trường học và cơ sở giáo dục, không để các tiêu cực, tệ nạn xã hội tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường giáo dục.

4. Phối hợp cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh vận động cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội khác tham gia đóng góp kinh phí xây dựng cơ sở vật chất trường học theo pháp luật hiện hành.

Điều 7. Trách nhiệm của gia đình

1. Nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc, tạo điều kiện cho con em được học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động của nhà trường; không để con em bỏ học, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của trẻ em theo Công ước quốc tế, Luật giáo dục, Luật bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em và các văn bản có liên quan.

2. Xây dựng gia đình văn hoá, tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ của con em; người lớn tuổi có trách nhiệm giáo dục, gương mẫu cho con em mình học tập, tạo điều kiện thuận lợi cho con em học tập tại nhà, cùng nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

3. Quản lý, giám sát lịch trình học tập, vui chơi giải trí, sinh hoạt của con em mình tại nhà. Nắm vững diễn biến tư tưởng, đạo đức, học lực của con em, chủ động thông báo cho nhà trường và giáo viên chủ nhiệm những vấn đề không bình thường của con em mình và những học sinh khác để thống nhất biện pháp phối hợp giáo dục.

4. Chủ động, tích cực phối hợp cùng nhà trường và các tổ chức đoàn thể giáo dục con em; phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của con em mình gây ra theo quy định của pháp luật. Có trách nhiệm cùng nhà trường giáo dục con em mình thực hiện an toàn giao thông, an ninh trật tự phòng chống tệ nạn xã hội.

5. Tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ban giám hiệu nhà trường hoặc giáo viên chủ nhiệm tổ chức, đóng góp đầy đủ các khoản theo quy định của Nhà nước. Đồng thời tích cực tham gia công tác xã hội hóa giáo dục và hưởng ứng các hoạt động của Hội khuyến học.

Điều 8. Quyền của gia đình

1. Cha mẹ học sinh có các quyền quy định tại Điều 95 của Luật Giáo dục và trong Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

2. Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về nội dung, chương trình phối hợp và phương pháp giáo dục học sinh của trường.

3. Yêu cầu nhà trường thường xuyên thông báo kết quả học tập và rèn luyện của con em mình; tham gia các hoạt động giáo dục theo kế hoạch của nhà trường; yêu

cầu nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục giải quyết theo pháp luật những vấn đề có liên quan đến việc giáo dục con em.

4. Kiến nghị với các cấp có thẩm quyền xử lý những vi phạm của cá nhân hoặc tổ chức về quyền của trẻ em được pháp luật Nhà nước Việt Nam quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của xã hội

1. Quan tâm chỉ đạo và tham gia quản lý sự nghiệp giáo dục, theo chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tuyên truyền để mọi tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị-xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và đơn vị vũ trang nhân dân, mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn tích cực tham gia công tác xã hội hóa giáo dục.

3. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và đơn vị vũ trang nhân dân trên địa bàn, theo khả năng giúp nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục và nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện cho nhà giáo và người học tham quan, thực tập nghiên cứu khoa học góp phần xây dựng phong trào học tập, rèn luyện của học sinh.

4. Các lực lượng xã hội tham gia xây dựng nếp sống văn hoá cơ sở và cộng đồng dân cư, tạo môi trường lành mạnh, an toàn, ngăn chặn những tác động có ảnh hưởng xấu đến môi trường giáo dục.

5. Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị để người học được vui chơi, giải trí, hoạt động thể dục, thể thao lành mạnh, sau các giờ học văn hoá.

6. Đầu tư về tài chính, nhân lực, vật lực cho sự phát triển giáo dục. Sẵn sàng đáp ứng khi nhà trường có những yêu cầu đề nghị về sự hỗ trợ, giúp đỡ trong công tác giảng dạy, giáo dục học sinh; chủ động xây dựng các quỹ khuyến học, khuyến tài, quỹ tài năng trẻ để khen thưởng động viên kịp thời học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện.

Điều 10. Quyền hạn của xã hội

1. Yêu cầu nhà trường trên địa bàn thông báo định kì, hoặc đột xuất về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của đơn vị.

2. Yêu cầu nhà trường trên địa bàn phối hợp để triển khai, thực hiện những chủ trương, nhiệm vụ có nội dung liên quan tới giáo dục cho học sinh.

Điều 11. Ban đại diện cha mẹ học sinh ở nhà trường căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, chủ động phối hợp chặt chẽ với nhà trường và các tổ chức xã hội tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức thực hiện Quy chế này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường Thanh Bình và các tổ chức thành viên động viên nhân dân trong phường mình chăm lo sự nghiệp giáo dục; vận động gia đình thực hiện tốt Quy chế này; đưa ra những kiến nghị đối với các cơ quan nhà nước hữu quan để làm tốt công tác giáo dục học sinh. Mặt trận Tổ quốc phường trình cấp ủy, phối hợp với chính quyền cùng cấp chỉ đạo việc xây dựng cam kết giữa Mặt trận Tổ quốc với Ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 13. Hội đồng giáo dục, Hội khuyến học, Hội cựu giáo chức phường căn cứ vào Điều lệ của Hội, phổ biến, triển khai nội dung Quy chế này tới các thành viên, tham gia chỉ đạo thực hiện Quy chế.

Điều 14. Kiến nghị với UBND Phường Thanh Bình trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung:

1. Xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế này tại địa phương; chỉ đạo cơ quan chức năng tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa nhất là cơ sở kinh doanh Karaoke, Internet, trò chơi điện tử nói chung và các cơ sở kinh doanh khác ở gần nhà trường. Không để các cơ sở này chứa chấp, cầm đồ của học sinh, lôi kéo học sinh vào các tệ nạn xã hội.

2. Định kì, đột xuất kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; việc chấp hành các Chỉ thị, Nghị quyết, quy định của Đảng, Nhà nước về trật tự an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; xây dựng nếp sống văn minh, đơn vị cơ quan, xã, đạt tiêu chuẩn văn hóa.

Điều 15. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân trên địa bàn, trạm y tế phường Thanh Bình trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình phổ biến, quán triệt tới cán bộ, công chức, viên chức, thành viên trong đơn vị, tổ chức xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 16. Cơ quan chủ trì

1. Nhà trường là cơ quan chủ trì, phối hợp với các ban ngành, đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm:

a. Tham mưu cho UBND phường ban hành kế hoạch chỉ đạo thực hiện Quy chế này; cân đối ngân sách chi cho sự nghiệp GD&ĐT hàng năm hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động trong công tác phối hợp giáo dục học sinh (trong điều kiện), nhằm nâng cao trách nhiệm, hiệu quả tổ chức thực hiện Quy chế này.

b. Phối hợp các tổ chức đoàn thể liên quan xây dựng kế hoạch phối hợp, tổ chức củng cố, xây dựng Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; sơ kết, tổng kết định kỳ.

c. Chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc phường, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và đơn vị vũ trang nhân dân trên địa bàn, y tế phường có liên quan xây dựng cụ thể nội dung phối hợp giáo dục; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra đánh giá việc thực hiện của mỗi bên.

2. UBND Phường Thanh Bình:

a. Thường xuyên quan tâm tạo điều kiện chỉ đạo nhà trường trên địa bàn thực hiện Quy chế này.

b. Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế ở nhà trường. Định kỳ, chủ trì tổ chức họp giao ban với công an địa phương và các cơ quan có liên quan để nắm tình hình và bàn biện pháp phối hợp quản lý, giáo dục học sinh.

c. Chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị-xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và đơn vị vũ trang nhân dân trên địa bàn, trạm y tế xây dựng cụ thể nội dung phối hợp giáo dục; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra đánh giá việc thực hiện của mỗi bên.

d. Chỉ đạo nhà trường chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, Ban đại diện cha mẹ học sinh bổ sung, xây dựng quy chế cụ thể cho phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Định kỳ các bên phối hợp tổ chức kiểm điểm việc thực hiện, hàng năm tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm.

Điều 17. Định kỳ 6 tháng, một năm UBND phường phối hợp cùng Mặt trận Tổ quốc tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nội dung cam kết phối hợp thực hiện Quy chế của các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh, báo cáo cơ quan chủ trì cấp trên. Phòng GD&ĐT tổng hợp báo cáo UBND thành phố.

Điều 18. Khen thưởng

Tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội được nhà trường, chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý giáo dục xem xét, khen thưởng theo quy định hiện hành.

Điều 19. Xử lý vi phạm

Tập thể, cá nhân thiếu tinh thần trách nhiệm trong chỉ đạo thực hiện Quy chế, ảnh hưởng tới sự nghiệp giáo dục, thiệt hại đến lợi ích của nhà trường, gia đình học sinh và gây hậu quả xã hội nghiêm trọng tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện có những vấn đề vướng mắc phát sinh, Hiệu trưởng đơn vị, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức đoàn thể tập hợp ý kiến báo cáo về cơ quan chủ trì các cấp để giải quyết.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh tại nhà trường

- Các Hoạt động trải nghiệm.
- Các buổi sinh hoạt tập thể.

đ) Thực đơn theo tuần

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025

a) Kết quả tuyển sinh, số lớp, số học sinh

Lớp	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	K.Tật	Mồ côi	Hộ nghèo	HS CD CS	Số HS được nhà trường tổ chức nấu ăn	
									HS bán trú	HS hưởng chế độ NĐ 116
1	166	88	22	13	4	0	1	11	142	0
2	193	77	36	13	0	3	0	9	164	0
3	195	84	23	8	2	6	0	11	157	0
4	201	102	33	22	1	4	1	7	168	0
5	211	105	34	18	1	0	0	13	170	0
Cộng	966	456	148	74	8	13	2	51	801	0

b) Kết quả đánh giá học sinh theo thông tư 27/2020/TT-BGDĐT

*** Kết quả các mặt Giáo dục**

Khối lớp		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
<i>I. Kết quả học tập</i>						
<i>1. Tiếng Việt</i>	998	184	215	159	211	229
Hoàn thành tốt	801	145	172	132	167	185
Hoàn thành	197	39	43	27	44	44

<i>2. Toán</i>	998	184	215	159	211	229
Hoàn thành tốt	794	145	172	128	166	183
Hoàn thành	204	39	43	31	45	46
<i>3. Đạo đức</i>	988	184	215	159	211	219
Hoàn thành tốt	842	150	175	143	175	199
Hoàn thành	146	34	40	16	36	20
<i>4. Tự nhiên và Xã hội</i>	558	184	215	159		
Hoàn thành tốt	450	148	172	130		
Hoàn thành	108	36	43	29		
<i>5. Khoa học</i>	440				211	229
Hoàn thành tốt	368				168	200
Hoàn thành	72				43	29
<i>6. LS&ĐL</i>	440				211	229
Hoàn thành tốt	365				168	197
Hoàn thành	75				43	32
<i>7. Nghệ thuật (Âm nhạc)</i>	998	184	215	159	211	229
Hoàn thành tốt	805	150	169	129	163	194
Hoàn thành	193	34	46	30	48	35
<i>8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)</i>	998	184	215	159	211	229
Hoàn thành tốt	818	157	171	130	170	190
Hoàn thành	180	27	44	29	41	39
<i>9. Hoạt động trải nghiệm</i>	998	184	215	159	211	229
Hoàn thành tốt	841	148	175	133	174	211
Hoàn thành	157	36	40	26	37	18
<i>10. Giáo dục thể chất</i>	998	184	215	159	211	229
Hoàn thành tốt	868	149	176	134	200	209
Hoàn thành	130	35	39	25	11	20
<i>11. TH-CN (Công nghệ)</i>	599			159	211	229
Hoàn thành tốt	508			130	175	203

Hoàn thành	91			29	36	26
<i>12. TH-CN (Tin học)</i>	599			159	211	229
Hoàn thành tốt	523			134	181	208
Hoàn thành	76			25	30	21
<i>13. Ngoại ngữ</i>	998	184	215	159	211	229
Hoàn thành tốt	796	148	171	125	168	184
Hoàn thành	202	36	44	34	43	45
<i>II. Năng lực cốt lõi</i>						
<i>Năng lực chung</i>						
<i>Tự chủ và tự học</i>	998	184	215	159	211	229
Tốt	815	150	174	129	168	194
Đạt	183	34	41	30	43	35
<i>Giao tiếp và hợp tác</i>	998	184	215	159	211	229
Tốt	818	152	175	128	172	191
Đạt	180	32	40	31	39	38
<i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>	998	184	216	159	211	229
Tốt	812	149	172	129	167	195
Đạt	186	35	43	30	44	34
<i>Năng lực đặc thù</i>						
<i>Ngôn ngữ</i>	998	184	215	159	211	229
Tốt	806	153	174	128	168	183
Đạt	192	31	41	31	43	46
<i>Cần cố gắng</i>						
<i>Tính toán</i>	998	184	215	159	211	229
Tốt	803	153	174	127	167	182
Đạt	195	31	41	32	44	47
<i>Tin học</i>	599			159	211	229
Tốt	502			129	174	199
Đạt	97			30	37	30

<i>Công nghệ</i>	599			159	211	229
Tốt	496			129	170	197
Đạt	103			30	41	32
<i>Khoa học</i>	998	184	215	159	211	229
Tốt	817	151	173	128	168	197
Đạt	181	33	42	31	43	32
<i>Thẩm mỹ</i>	998	184	215	159	211	225
Tốt	802	148	170	129	168	187
Đạt	196	36	45	30	43	42
<i>Thể chất</i>	998	194	215	159	211	229
Tốt	854	157	174	132	191	200
Đạt	154	27	41	27	20	29
<i>III. Phẩm chất chủ yếu</i>						
<i>Yêu nước</i>	998	184	215	159	211	229
Tốt	994	184	215	9 ⁵	211	225
Đạt	4	0	0	0	0	4
<i>Nhân ái</i>	998	184	215	159	211	229
Tốt	964	172	212	153	202	225
Đạt	34	12	3	6	9	4
<i>Chăm chỉ</i>	998	184	215	159	211	229
Tốt	852	162	174	130	188	198
Đạt	146	22	41	29	23	31
<i>Trung thực</i>	998	184	215	159	211	229
Tốt	926	174	205	138	201	208
Đạt	72	10	10	21	10	21
<i>Trách nhiệm</i>	998	184	215	159	211	229
Tốt	875	171	190	132	187	195
Đạt	123	13	25	27	4	34

<i>IV. Đánh giá KQGD</i>	999	184	215	159	211	230
- Hoàn thành xuất sắc	416	72	97	71	84	92
- Hoàn thành tốt	342	69	69	51	76	77
- Hoàn thành	241	43	49	37	51	61
<i>IX. Chương trình lớp học</i>						
Hoàn thành	999	184	215	159	211	230

- Tỷ lệ học sinh chuyển lớp khối 1,2,3,4: 755/755 HS, đạt 100%

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 211/211 học sinh, đạt 100%.

*** Khen thưởng cuối năm:**

- Hoàn thành Xuất sắc: 380/960 em

- Học sinh Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và Rèn luyện: 361/966 em

*** Các cuộc thi/giao lưu Cấp trường**

STT	Các cuộc thi	TS	Nhất	Nhì	Ba	KK
1	Toán qua mạng Internet	393	20	40	106	227
2	Tiếng Anh qua mạng	192	23	38	48	83
3	Trạng Nguyên Tiếng Việt	502	106	114	119	163
4	Viết chữ đẹp/Viết sáng tạo	264	23	45	84	112
5	Vẽ tranh “Trường học hạnh phúc”	136	6	10	40	80

*** Các cuộc thi qua mạng Cấp Thành phố, cấp Tỉnh, cấp Quốc gia**

ST T	Các cuộc thi	Cấp TP				Cấp Tỉnh				QG			
		Nhất	Nhì	Ba	KK	Nhất	Nhì	Ba	KK	Vàng	Bạc	Đồng	KK
1	Toán	BTC không xếp giải				10	16	15	136	0	1	7	13
2	IOE	7	15	30	31	6	12	28	69		1	1	
3	TNTV					25	26	30	47				

*** Tham gia các Hoạt động của ngành**

- Tham gia Lễ hội năm 2025:

+ Lễ hội Hoa Anh đào: Được UBND thành phố tặng giấy khen

+ Lễ hội Hoa ban: Đạt Giải xuất sắc trại đẹp; Giải Xuất sắc diễu hành; Giải A văn nghệ, được UBND thành phố tặng giấy khen.

- Tham gia thi thể thao tỉnh năm 2025: Môn bóng bàn: Giải ba đơn nam, giải ba đơn nữ; Môn điền kinh: Giải nhì chạy 300m; Môn Pick: Giải ba đôi nữ, giải nhì đôi nam nữ.

- Tham gia cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên cấp Thành phố năm 2025: 01 sản phẩm đạt giải B, 1 sản phẩm đạt giải khuyến khích.

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Thanh Nhân